TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2017/DSPT
Ngày: 22/5/2017
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hồng Vân

Các thẩm phán: Bà Lê Thị Thu Hà

Ông Nguyễn Đăng Phồn

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Bùi Văn Đồng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An***: Bà Nguyễn Thị Phương Chung Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 5 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2016/TLPT- DS ngày 26 tháng 12 năm 2016 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", do bản án số 21/2016/DSST ngày 15/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2017/QĐPT ngày 13 tháng 01 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Đồng Nguyên đơn:

Bà Trần Thị T, sinh năm 1971. Vắng mặt

Ông Đậu Xuân H, sinh năm 1959. Vắng mặt

Đều trú tại: Xóm 1, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964. Có mặt

Trú tại: Khu công nghiệp D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vụ án:

Ông Phan Xuân Th, sinh năm 1963. Vắng mặt

Trú tại: Khu công nghiệp D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/12/2013, bản tự khai, ý kiến trình bày tại phiên toà đồng nguyên đơn bà T, ông H trình bày: Ngày 17/11/2009 (Âm lịch), vợ chồng bà Nguyễn Thị H, ông Phan Xuân Th đến nhà bà vay số tiền 139.000.000 đồng. Vợ chồng ông, bà đã nhiều lần yêu cầu bà H, ông Th trả nợ, nhưng bà H, ông Th vẫn không trả cho ông, bà số tiền trên. Nên ông, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà H, ông Th phải trả cho vợ chồng ông, bà số tiền gốc 139.000.000 đồng (một trăm ba mươi chín triệu đồng) và lãi suất theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại bản tự khai bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Số tiền mà bà T khởi kiện là không đúng. Nguồn gốc ban đầu, bà chỉ nhận của bà T 15.000.000 đồng để mua chiếu nhựa đem đi Lào bán. Không có chiếu, nên bà trả dần cho bà T tiền lời. Khoảng năm 2010, ông H (chồng bà T) và ông Nguyễn Văn S (chồng bà Trần Thị Nh) đã bắt bà viết giấy nợ lãi mẹ để lãi con từ 15.000.000 đồng lên 139.000.000 đồng.

Tại bản tự khai người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: ông Phan Xuân Th trình bày ông không vay tiền của ông H, bà T, giấy vay tiền đề ngày 17/12/2009 ông không viết, không ký và cũng không biết ai viết.

Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2016/DS-ST ngày 15/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Nghệ An quyết định:

Áp dụng: khoản 2 điều 26; khoản 2 điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS năm 2015; các Điều 471,474,476,477 của Bộ luật Dân sự.

Xử: chấp nhận một phần yêu cầu của bà Trần Thị T, ông Đậu Xuân H buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả nợ cho bà T, ông H tiền gốc 137.000.000 đồng (Một trăm ba mươi bảy triệu đồng) và tiền lãi 32.880.000 đồng (Ba mươi hai triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng), tổng cộng 169.880.000 đồng (Một trăm sáu mươi chín triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng).

Án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu 8.494.000 đồng (Tám triệu bốn trăm chín tư ngàn đồng). Trả lại cho bà Tâm 3.475.000 đồng (Ba triệu bốn trăm bảy lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện D theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007274 ngày 31/12/2016

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 16 tháng 10 năm 2016, bị đơn bà Nguyễn Thị H kháng cáo với nội dung: Lời khai của bà T, ông H là không đúng. Thực chất bà T, ông H gửi cho bà H tiền mua chiếu nhựa đi Lào chỉ có 15.000.000 đồng chứ không phải là vay mượn tiền lãi. Ông H, ông S đã bắt cóc bà chở đi và ép bà ký vay số tiền hiện tại và bà cũng không biết số tiền đó là bao nhiêu. Tòa án nhân dân huyện D buộc bà số tiền lớn như vậy là không đúng sự thật. Bà H đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét và không đồng ý với số tiền mà bà phải trả cho bà T, ông H như Bản án sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị H giữ nguyên nội dung kháng cáo; đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An công nhận quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các bên đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật và về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên nội dung quyết định của bản án sơ thẩm, sửa cách tuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị H thấy rằng: Đây là vụ án khởi kiện đòi lại tài sản cho vay. Đồng nguyên đơn bà Trần Thị T, ông Đậu Xuân H yêu cầu Tòa án xử buộc bà Nguyễn Thị H, ông Phan Xuân Th phải trả cho vợ chồng ông, bà số tiền gốc 139.000.000 đồng (một trăm ba mươi chín triệu đồng) và lãi suất theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước cho đến khi giải quyết xong vụ án.

[2] Xét thấy, tại giấy vay tiền ngày 17/11/2009 (Âm lịch) tức ngày 17/12/2009 (Dương lịch) (BL 02) thể hiện: Bà Nguyễn Thị H viết giấy vay tiền với nội dung: "Tên tôi là Nguyễn Thị H - Th vay của em Trần Thị T - H, Diễn Th, Diễn Ch, đến ngày 17/11/2009 âm số tiền là 139.000.000 đồng (Một trăm ba chín triệu chẵn)". Tại phiên tòa bà H công nhận chữ viết của mình tại giấy vay tiền do bà viết và ký nhưng không công nhận vay tiền của chị Tâm H, nhưng không giải thích được tại sao lại ghi như vậy, Tâm H là ai và viết giấy với mục đích gì. Bà H cho rằng số tiền 139.000.000 đồng là do vợ chồng bà T, ông H gửi bà 15 triệu để mua chiếu nhựa ở Lào chứ không phải là vay mượn tiền lãi, bà đã trả hai lần một lần 8 triệu, một lần 12 triệu cho chị Nh nhận hộ chị T và không có giấy biên nhận là đã nhận hộ và bà T không công nhận. Bà H cho rằng ông H và ông S đã bắt cóc chở xe máy đi và ép bà ký giấy vay tiền, nhưng bà không nhớ vào thời điểm nào, không có biên bản của cơ quan có thẩm quyền về việc bắt người trái pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà H. Tại phiên tòa phúc thẩm bà H cũng không xuất trình thêm căn cứ gì để chứng minh số tiền 139.000.000 đồng là do vợ chồng bà T, Ông H gửi bà 15 triệu để mua chiếu nhựa ở Lào và cũng không có tài liệu hay căn cứ chứng minh cho việc bà bị cưỡng ép phải viết giấy vay tiền. Về phía bà T và ông H tại cấp sơ thẩm thừa nhận bà H đã trả cho họ 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) sau thời gian họ nộp đơn khởi kiện tại tòa án sơ thẩm.

[3] Do đó, có căn cứ xác định: Ngày 17/11/2009 (Âm lịch) tức ngày 17/12/2009 (Dương lịch) vợ chồng bà T, ông H có cho vợ chồng bà H, ông Th vay số tiền 139.000.000 đồng. Vì giấy vay tiền do bà H viết và ký nên không có căn cứ để buộc ông Th có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng bà T, ông H. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, bà H đã chuyển trả cho vợ chồng bà T, ông H 2.000.000 đồng, số tiền còn lại là 137.000.000 đồng.

[4] Đối với khoản lãi suất, trong giấy vay nợ không thỏa thuận cụ thể mức lãi suất là bao nhiêu. Cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các điều 471, 474, 476, 477 BLDS buộc bà Hoa phải trả lãi suất theo từng thời điểm trên số tiền gốc còn lại với mức lãi suất cơ bản 0,75%/tháng (9%/năm) tính từ ngày 01/01/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Vì vậy, cấp sơ thẩm buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả nợ cho bà T, ông H tiền gốc 137.000.000 đồng (Một trăm ba mươi bảy triệu đồng) và tiền lãi 32.880.000 đồng (Ba mươi hai triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng), tổng cộng 169.880.000 đồng (Một trăm sáu mươi chín triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng) là có căn cứ. Bởi vậy, kháng cáo của bà Nguyễn Thị H không có căn cứ để chấp nhận; cần giữ nguyên nội dung quyết định của bản án sơ thẩm, sửa cách tuyên như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[6] Về án phí: Kháng cáo của bà Nguyễn Thị H không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 471,474,476,477 Bộ luật dân sự; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị H. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị T, ông Đậu Xuân H buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả nợ cho bà T, ông H tiền gốc 137.000.000 đồng (Một trăm ba mươi bảy triệu đồng) và tiền lãi 32.880.000 đồng (Ba mươi hai triệu, tám trăm tám mươi ngàn đồng), tổng cộng 169.880.000 đồng (Một trăm sáu mươi chín triệu, tám trăm tám mươi ngàn đồng).

Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 8.494.000 đồng (Tám triệu, bố trăm chín mươi tư ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án huyện D, tỉnh Nghệ An theo biên lai số 0002607 ngày 03 tháng 11 năm 2016 còn phải nộp thêm 100.000 đồng.

Trả lại cho bà Trần Thị T 3.475.000 đồng (Ba triệu, bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện D theo biên lai số 0007274 ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND H. D;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- THADS H. D;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Thị Hồng Vân